

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 04/2022/HSST
Ngày 21/02/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Chiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hằng.
2. Ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Hồ Quốc Nam– Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: ông Cao Văn Tiến– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2022/HSST ngày 07/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HS ngày 08/02/2022 đối với các bị cáo:

1. Võ Minh C (tên gọi khác B), sinh năm 1991, tại huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: lớp 9/12. Con ông Võ Văn S, sinh năm 1966 và con bà Trần Thị L, sinh năm 1969.

Tiền án: có 02 tiền án, cụ thể: tại Bản án số 01/2018/HSST ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, xử phạt Võ Minh C 01 (một) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; tại Bản án số 08/2019/HSST ngày 11/07/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, xử phạt Võ Minh C 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 18/11/2020, bị cáo C chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên về hành vi phạm tội khác: có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn G, sinh năm 1993, tại huyện P, Đắk Lắk. Nơi cư trú: thôn Đ, xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: làm nông. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo:

không. Trình độ học vấn: lớp 6/12. Con ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1957 và con bà Trần Thị Q, sinh năm 1953.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2010/HSST ngày 30/06/2010 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt Nguyễn Văn G 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm 04 tháng 04 ngày về tội “Cố ý gây thương tích”; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2011/HSST ngày 07/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt: Nguyễn Văn G 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2013/HSST ngày 26/02/2013 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xử phạt Nguyễn Văn G 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 27/05/2017, bị cáo G chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/09/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Ea Kar: có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Văn T, sinh năm 1995, tại huyện H, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: thôn P, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: lớp 6/12. Con ông Trương Văn C, sinh năm 1974 và con bà Ngô Thị Q, sinh năm 1975. Vợ là H' L Niê, sinh năm 1999 và có 01 (một) con sinh năm 2020.

Tiền sự: Tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TA ngày 26/07/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Trương Văn T với thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện là 24 tháng, kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc (chưa chấp hành).

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2016/HSST ngày 27/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt Trương Văn T 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm 06 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/09/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Ea Kar: có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Đăng T, sinh năm 1989, tại huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: thôn Đ, xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: lớp 3/12. Con ông Phạm Thanh B, sinh năm 1949 và con bà Đàm Thị T, sinh năm 1953. Có vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và có 01 (một) con sinh năm 2009. Hiện sống như vợ chồng với Lương Thị H, sinh năm 1990 và có 01 (một) con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/11/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Ea Kar: có mặt tại phiên tòa.

5. Hoàng Văn T (tên gọi khác: B), sinh năm 1993, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: thôn 11, xã U, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: lớp 6/12. Con ông Hoàng Văn A, sinh năm 1957 và con bà Trần Thị N, sinh năm 1957.

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2019/HSST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt Hoàng Văn T 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 02/02/2020, bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/11/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Ea Kar: có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Ông Lê Văn C, Sinh năm 1987. Nơi cư trú: Buôn D, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Tiến D, Sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn 7, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Kim O, Sinh năm 1982. Nơi cư trú: Buôn T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Lê Khánh T, Sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn 02, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Bà Phạm Thị H, Sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn 2, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị K, Sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn B 7, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Thành N, Sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn 13, thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Bà H' M Mlô, Sinh năm 1990. Nơi cư trú: Buôn M, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

+ Bà H' P Mlô, Sinh năm 1995. Nơi cư trú: Buôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

+ Ông Hoàng Văn Đ, Sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn 3B, xã O, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

+ Ông Lê Xuân T, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Buôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Hồ Sỹ C, Sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn Q 1, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Y P Mlô, Sinh năm 1969. Nơi cư trú: Buôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

+ Ông Y K Niê, Sinh năm 1983. Nơi cư trú: Buôn M, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức N, Sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn 10, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị Thu T, Sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Thành L, Sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn 10, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị L, Sinh năm 1964. Nơi cư trú: Buôn M, thị trấn K, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Lê Vĩnh Q, Sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Bà Phạm Thị Đ (tên gọi khác: C), Sinh năm 1952. Nơi cư trú: Thôn 01, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Bà Trần Thị H, Sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị C, Sinh năm 1967. Nơi cư trú: Thôn 05, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Hữu C, Sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

+ Ông Huỳnh Văn T, Sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Đặng Trần T, Sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Ngô Sỹ Q, Sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn 11, xã U, huyện P, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Lê Văn H, Sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Tiến Đ, Sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

+ Ông Triệu Văn C, Sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn 15, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

+ Ông Hồ Văn L, Sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn 8, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Phạm Đình Đ, Sinh năm 1970. Nơi cư trú: Tổ 3, ấp 4 B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh: vắng mặt.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 08/07/2021 đến ngày 16/09/2021, Nguyễn Văn G, Võ Minh C, Phạm Đăng T, Trương Văn T và Hoàng Văn T đã thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản của người dân, cụ thể:

- **Vụ thứ nhất:** Khoảng 03 giờ ngày 08/07/2021, Phạm Đăng T rủ Nguyễn Văn G xuống huyện K trộm cắp tài sản thì G đồng ý. G điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát số 47AB-332.16 (xe của ông Nguyễn Tiến Đ là bố đẻ của G) đến khu vực Buôn D, xã H, huyện K. Khi đi qua nhà bà H'W Niê thấy có 01 Gầu máy mức của anh Lê Văn C đang gửi tại nhà bà H'W không có người trông coi nên G và T vào lấy trộm, rồi chở đến bán cho bà Phạm Thị L được số tiền 392.000^d (Ba trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐ 992 ngày 11/08/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 01 chiếc Gầu máy mức, có giá trị là **5.500.000^d** (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

- **Vụ thứ hai:** Ngày 01/08/2021, Nguyễn Văn G chở Trương Văn T, bằng xe mô tô, biển kiểm soát số 47L8-3898 (xe của T) đi qua cửa hàng của ông Nguyễn Tiến D, ở thôn A, xã H, huyện K, thấy cửa hàng không có người trông coi nên G và T dừng xe mô tô trước quán rồi cả hai vào lấy trộm 02 bao gạo, loại gạo Đài thơm (mỗi bao 25kg), sau đó bán cho ông Lê Vĩnh Q được số tiền 550.000^d (Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐ 992 ngày 11/08/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 50 Kg gạo Đài thơm, có giá trị là **900.000^d** (Chín trăm nghìn đồng).

- **Vụ thứ ba:** Khoảng 02 giờ ngày 01/09/2021, Nguyễn Văn G và Võ Minh C rủ nhau xuống huyện K để trộm cắp tài sản. G điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát số 47N8-5032 (xe do C trộm cắp) chở C, khi đi qua nhà bà Nguyễn Thị Kim O ở Buôn T, trị trấn K, huyện K thấy có đề sắt xây dựng ở khu đất trống không có người trông coi nên C nói G dừng xe đứng cạnh giới còn C vào lấy 01 cuộn sắt tròn, rồi đem bán phế liệu cho bà Phạm Thị Đ. Sau đó, C và G tiếp tục quay lại nhà bà O lấy trộm thêm 01 cuộn sắt nữa, 02 cuộn sắt này G và C bán cho bà Đ được số tiền 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản 57/KL-HĐ 992 ngày 11/10/2021 của hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 02 cuộn sắt tròn phi 6 và phi 8 khối lượng 166,7 Kg, có tổng giá trị là **3.017.270^d** (Ba triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

- **Vụ thứ tư:** Khoảng 12 giờ ngày 14/09/2021, Trương Văn T đi bộ ngang qua nhà ông Lê Khánh T thuộc thôn 02, xã N, huyện K, phát hiện nhà ông T đóng cửa, trước sân có để 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát số 47F1-397.02 nhưng không có người trông coi nên T đi đến vị trí để xe, dùng tay tháo khớp nối ổ khóa điện ở cổ xe, rồi dắt xe ra đường đập nổ, sau đó điều khiển xe đến Tiệm Cầm đồ S cầm cố được số tiền 3.000.000^d (Ba triệu đồng). Số tiền này T cất trong người chưa sử dụng

nên khi bị phát hiện đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an số tiền 3.000.000^d nói trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐ 992 ngày 15/09/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát số 47F1-397.02, có giá trị là **3.000.000^d** (Ba triệu đồng).

- **Vụ thứ năm:** Sáng ngày 16/09/2021, Ngô Sỹ Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát số 47K9-1797 chở Hoàng Văn T, khi đi qua nhà bà Phạm Thị H thuộc thôn 02, xã K, huyện K thấy hàng Cau có quả nên Q dừng xe trước nhà bà H cảnh giới, còn T đi vào hái 02 buồng Cau, đến gần chợ 721 thuộc thôn 11, xã N thì bị người dân phát hiện, bắt giữ Hoàng Văn T cùng xe mô tô 47K9-1797 và 02 buồng Cau, giao cơ quan Công an giải quyết, còn Ngô Sỹ Q bỏ chạy được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐ 992 ngày 05/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 14 kg Cau quả tươi có giá trị là **280.000^d** (Hai trăm tám mươi nghìn đồng).

- **Vụ thứ sáu:** Khoảng 15 giờ ngày 27/08/2021, Lê Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát số 47K9-1797 (xe do Hoàng văn T trộm cắp) chở Hoàng Văn T trên Quốc lộ 26, mục đích tìm người dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước tiệm sửa chữa ô tô N thuộc thôn Đ, xã T, huyện K do ông Nguyễn Thành N làm chủ, thấy không có người trông coi nên H dừng xe lại bên lề đường đứng cảnh giới, còn T đi vào trong tiệm lấy trộm 01 máy Hàn điện tử nhãn hiệu PONEY màu cam, sau đó chở về thị trấn K tiêu thụ nhưng chưa bán được nên H và T đem cất giấu trong bụi cỏ ở bãi đất trống phía sau nhà ông Hồ Thanh Q thuộc thôn Đ, xã K, huyện K.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐ 992 ngày 05/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 01 máy Hàn điện tử hiệu PONEY, có giá trị là **1.500.000^d** (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- **Vụ thứ bảy:** Ngày 29/08/2021, Võ Minh C đi qua nhà bà H'M Mlô ở Buôn M, thị trấn K, huyện K, phát hiện trước hiên nhà bà H'M có 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát số 47N8-5032 nhưng không có người trông coi nên C đi vào lấy trộm. Sau đó, C sử dụng chiếc xe mô tô này làm phương tiện để trộm cắp tài sản và ngày 09/09/2021 khi đang trộm cắp tài sản thì bị người dân phát hiện truy đuổi nên C đã bỏ lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 47N8-5032 tại khu vực thôn 14, xã Đ, huyện K.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐ 992 ngày 11/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát số 47N8-5032, có giá trị là **1.000.000^d** (Một triệu đồng).

- **Vụ thứ tám:** Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 07/09/2021, Nguyễn Văn G và Trương Văn T đi bộ qua nhà bà H'P Mlô ở Buôn T, xã Đ thấy trước hiên nhà bà H'P có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Handle, biển kiểm soát số 47N9-8661, không

có người trông coi, G đứng ngoài cảnh giới, T vào dắt xe ra đường rồi đạp nổ máy điều khiển xe chở G tẩu thoát.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐ 992 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Handle, biển kiểm soát số 47N9-8661, có giá trị là **1.400.000^d** (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- **Vụ thứ chín:** Ngày 08/09/2021, Phạm Đăng T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha chở Trương Văn T, khi đi qua nhà ông Hoàng Văn Đ, ở thôn 3B, xã Ô, thấy nhà ông Đ không đóng cửa và không có người trông coi nên T dừng xe cảnh giới còn T đi vào nhà ông Đ lấy trộm 01 máy phát cỏ hiệu Tasto 143R-11 (không có lưỡi cắt), sau đó đem cầm cố tại tiệm cầm đồ S được số tiền 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐ 992 ngày 15/09/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 máy phát cỏ hiệu Tasto, loại 143R-11, có giá trị là **700.000^d** (bảy trăm nghìn đồng).

- **Vụ thứ mười:** Khoảng 06 giờ 55 phút ngày 09/09/2021, Võ Minh C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát số 47K9-1797 (xe do Hoàng Văn T trộm cắp) chở Hoàng Văn T đi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K. Khi đi qua Chi nhánh Điện lực K thuộc Buôn T, xã Đ thấy trong sân Chi nhánh Điện lực có đề sắt (là tài sản của ông Lê Xuân T) thì C dừng xe đứng ngoài cảnh giới, còn T đi vào trong sân lấy trộm 03 thanh sắt chữ V, loại V8, mỗi cây dài khoảng 2,2 mét, sau đó đem bán phế liệu cho bà Nguyễn Thị C được số tiền 400.000^d (Bốn trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐ 992 ngày 11/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 03 thanh sắt chữ V, loại V8 có tổng giá trị là **783.730^d** (Bảy trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

- **Vụ thứ mười một:** Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 09/09/2021, Võ Minh C điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát số 47N8-5032 (xe do C trộm cắp) chở Hoàng Văn T, khi đi qua trại hòm H của ông Hồ Sỹ C, ở thôn Q, xã T, huyện K thấy có 01 bó sắt loại phi 4 để phía trước nhưng không có người trông coi, C dừng xe bên đường rồi cùng T vào khiêng bó sắt lên xe, sau đó đem bán phế liệu cho ông Nguyễn Hữu C được số tiền 400.000^d (Bốn trăm nghìn đồng). C và T tiếp tục điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát số 47N8-5032 để trộm cắp tài sản thì bị phát hiện truy đuổi nên đã bỏ lại xe mô tô ở thôn 14, xã Đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐ 992 ngày 11/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 bó sắt gồm nhiều thanh sắt, loại phi 4, khối lượng 40Kg, có giá trị là **724.000^d** (Bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

- **Vụ thứ mười hai:** Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 11/09/2021, Võ Minh C đi bộ một mình, khi đi ngang qua nhà ông Y P Mlô ở Buôn T, xã Đ, phát hiện thấy trong sân nhà ông Y P có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Darling, biển kiểm soát số

52N6-1354, không có người trông coi, C liền vào dắt xe ra đường rồi nổ máy chạy về nhà của Nguyễn Văn G cất dấu, sau đó C sử dụng chiếc xe mô tô này làm phương tiện để trộm cắp tài sản và ngày 14/09/2021 cho Nguyễn Văn G mượn thì bị Công an thu giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐ 992 ngày 11/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Darling, biển kiểm soát số 52N6-1354, có giá trị là **1.000.000^d** (Một triệu đồng).

- **Vụ thứ mười ba:** Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 11/09/2021, Ngô Sỹ Q, điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát số 47K9-1797 (xe mượn của Hoàng Văn T) chở Trương Văn T, khi đi qua nhà ông Nguyễn Đức N ở thôn 10, xã Đ thấy 01 máy phát cỏ hiệu Komatsu Zenoah để trước hiên nhà, nhưng không có người trông coi, T nói Q dừng xe và ở ngoài đường canh giới, còn T vào lấy trộm máy phát cỏ trên, sau đó đem đến tiệm Cầm đồ S cầm cố được 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐ 992 ngày 15/09/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 máy phát cỏ hiệu Komatsu Zenoah, có giá trị là **800.000^d** (Tám trăm nghìn đồng).

- **Vụ thứ mười bốn:** Khoảng 10 giờ ngày 12/09/2021, Nguyễn Văn G điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát số 52N6-1354 (xe do C trộm cắp) chở Võ Minh C đi trộm cắp tài sản, khi đi qua nhà bà Hồ Thị Thu T ở thôn Đ, xã K, huyện K, phát hiện thấy 01 hộp số xe ô tô tải ben, loại 5 tấn để ở bãi đất trống không có người trông coi nên G và C đã khiêng lên xe mô tô, rồi đem bán phế liệu cho ông Đặng Trần T được số tiền 405.000^d (Bốn trăm lẻ năm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐ 992 ngày 11/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 hộp số xe ô tô tải ben, nhãn hiệu Chiến Thắng, có giá trị là **1.900.000^d** (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

- **Vụ thứ mười lăm:** Khoảng 20 giờ ngày 13/09/2021, Nguyễn Văn G điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát số 52N6-1354 (xe do C trộm cắp) chở Võ Minh C đi trộm cắp tài sản, khi đi qua nhà ông Nguyễn Thành L ở thôn 4, xã N, huyện K phát hiện thấy 01 bộ máy rửa xe (không rõ nhãn hiệu), mô tơ công suất 1,1 Kw, máy nén 1HP để ở cửa hàng nhà ông L không có người trông coi, G và C lấy trộm rồi đem bán cho tiệm điện cơ của ông Huỳnh Văn T được số tiền 700.000^d (bảy trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐ 992 ngày 11/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 bộ máy rửa xe, có giá trị là **1.200.000^d** (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

- **Vụ thứ mười sáu:** Khoảng 10 giờ ngày 26/08/2021, Phạm Đăng T chở Võ Minh C bằng xe mô tô hiệu Nouvo (xe của T, không rõ biển kiểm soát) đi qua nhà bà Nguyễn Thị K ở thôn B, xã B, thị xã B, phát hiện thấy nhà bà K có 01 khung sắt hình chữ nhật dài khoảng 02 mét, rộng khoảng 0,5 mét, nặng khoảng 60 kg, nhưng không có người trông coi nên T và C vào lấy trộm, rồi đem bán phế liệu bên đường

được số tiền 800.000^d (Tám trăm nghìn đồng). Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Nouvo sau đó Tuấn bán cho người khác nên không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 03/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B Hồ kết luận: 01 (một) khung sắt hình chữ nhật, dài 02 mét, rộng 0,5 mét, nặng 60 kg, có giá trị là **1.850.000^d** (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong 16 vụ trộm cắp tài sản nêu trên, có 05 vụ trộm cắp do bị hại làm đơn tố cáo, còn 11 vụ trộm cắp do Nguyễn Văn G, Phạm Đăng T, Võ Minh C, Trương Văn T và Hoàng Văn T đã tự khai ra trong quá trình điều tra mở rộng vụ án.

Vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra, Công an huyện Ea Kar đã thu giữ, làm rõ và trả cho chủ sở hữu, cụ thể: thu giữ 02 bao gạo Đài thơm 50 kg, đã trả cho ông Nguyễn Tiến D; thu giữ Tiền ngân hàng Nhà nước Việt nam 3.000.000^d, đã trả cho bà Trần Thị H; thu giữ 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát số 47F1-397.02, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Lê Khánh T, đã trả cho ông Lê Khánh T; thu giữ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Handle, đã trả cho bà H P Mlô; thu giữ 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát số 47N8-5032 (gắn biển kiểm soát số 47M8-5650), đã trả cho bà H M Mlô; thu giữ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Darling, biển kiểm soát số 52N6-1354, đã trả cho ông Y P Mlô; thu giữ 01 (một) máy Hàn điện tử hiệu PONEY màu cam, đã trả cho ông Nguyễn Thành N; thu giữ 01 (một) máy phát cỏ hiệu Tasto143R-11 màu đỏ, đã trả cho ông Hoàng Văn Đ; thu giữ 01 (một) máy phát cỏ hiệu Komatsu Zenoah, đã trả cho ông Nguyễn Đức N; thu giữ 01 (một) bộ máy rửa xe, mô tơ công suất 1,1kw, đã trả cho ông Nguyễn Thành L và 02 (hai) buồng quả Cau tươi 14Kg, đã trả cho bà Phạm Thị H.

Riêng đối với 01 (một) chiếc xe mô tô, biển kiểm soát số 47K9-1797 là vật chứng trong vụ án trộm cắp tài sản tại thành phố N nên Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar đã bàn giao cho Công an Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với hành vi của Nguyễn Văn G và Võ Minh C trộm cắp 01 (một) máy nổ, nhãn hiệu Yanmar, màu đỏ, loại F8, động cơ Diesel của ông Y K Niê vào ngày 11/09/2021, sau đó G và C đem bán phế liệu cho bà Phạm Thị Đ tại thôn 01, xã K, huyện P được số tiền 800.000^d (Tám trăm nghìn đồng), bà Đ đã bán lại cho người khác không rõ nhân thân, địa chỉ nên Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar không thu giữ được máy nổ. Do đó, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K không xác định được giá trị của tài sản. Vì vậy, không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn G và Võ Minh C về lần trộm cắp này.

- Đối với Ngô Sỹ Q tham gia 02 lần trộm cắp tài sản, cụ thể: ngày 11/09/2021 cùng với Trương Văn T trộm cắp 01 máy phát cỏ hiệu Komatsu Zenoah, có giá trị 800.000^d và ngày 16/09/2021 cùng với Hoàng Văn T trộm cắp 02 buồng quả Cau tươi, có giá trị 280.000^d. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.080.000^d (một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Đối với Lê Văn H đã tham gia cùng với Hoàng Văn T, trộm cắp 01 (một) máy Hàn điện tử hiệu PONEY, có giá trị 1.500.000^d (một triệu năm trăm nghìn đồng). Giá trị tài sản mà Ngô Sỹ Q và Lê Văn H tham gia chiếm

đoạt đều dưới hai triệu đồng, trong khi đó Q và H chưa bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt và cũng chưa bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, hành vi của Ngô Sỹ Q và Lê Văn H chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên Cơ quan Công an huyện Ea Kar ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Ngô Sỹ Q và Lê Văn H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Trong vụ án có đề cập đến vai trò của bà Trần Thị H, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Đ, bà Nguyễn Thị C, ông Đặng Trần T, ông Lê Vĩnh Q, ông Huỳnh Văn T và ông Nguyễn Hữu C là người cầm cố và mua tài sản do các bị cáo trộm cắp. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định khi cầm cố và mua tài sản thì những người này họ đều không biết tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên họ không có lỗi. Vì vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng không buộc họ phải chịu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

- Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Minh C, Nguyễn Văn G, Trương Văn T, Phạm Đăng T và Hoàng Văn T đều khai nhận: diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố. Trong đó: bị cáo Võ Minh C thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 11.475.000^d (Mười một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Văn G thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 13.917.270^d (Mười ba triệu chín trăm mười bảy nghìn hai trăm bảy mươi đồng); bị cáo Trương Văn T thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.800.000^d (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng); bị cáo Phạm Đăng T thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.050.000^d (Tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và bị cáo Hoàng Văn T thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.287.730^d (Ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi đồng). Số tiền các bị cáo trộm cắp tài sản bán được đều sử dụng để mua ma túy và tiêu xài cá nhân.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 06/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố: Bị cáo Võ Minh C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b, c khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn G, Trương Văn T và Phạm Đăng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Võ Minh C, Nguyễn Văn G, Trương Văn T, Phạm Đăng T và Hoàng Văn T, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Võ Minh C từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn G từ 20 (hai mươi) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Trương Văn T từ 16 (mười sáu) tháng đến 20 (hai mươi) tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Phạm Đăng T từ 16 (mười sáu) tháng đến 20 (hai mươi) tháng tù.

- Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Hoàng Văn T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu, cụ thể: trả cho ông Nguyễn Tiến D 02 bao gạo Đà thơm 50 kg; trả cho bà Trần Thị H số tiền 3.000.000^d; trả cho ông Lê Khánh T 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát số 47F1-397.02, 01(một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Lê Khánh T; trả cho bà H P Mlô 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Handle (không biển số); trả cho bà H M Mlô 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát số 47N8-5032 (gắn biển kiểm soát số 47M8-5650); trả cho ông Y P Mlô 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Darling, biển kiểm soát số 52N6-1354; trả cho ông Nguyễn Thành N 01 (một) máy Hàn điện tử hiệu PONEY, màu cam; trả cho ông Hoàng Văn Đ 01 (một) máy phát cỏ hiệu Tasto143R-11, màu đỏ; trả cho ông Nguyễn Đức N 01 (một) máy phát cỏ hiệu Komatsu Zenoah; trả cho ông Nguyễn Thành L 01 (một) bộ máy rửa xe, mô tơ công suất 1,1kw và trả cho bà Phạm Thị H 02 (hai) buồng quả Cau tươi 14Kg.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Phạm Đăng T phải liên đới bồi thường cho bị hại ông Lê Văn Cg số tiền 5.500.000^d (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Võ Minh C phải liên đới bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Kim O số tiền 3.017.270^d (Ba triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

Bị cáo Hoàng Văn T và Ngô Sỹ Q phải liên đới bồi thường cho bị hại bà Phạm Thị H số tiền 280.000^d (Hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Các bị cáo Võ Minh C và Hoàng Văn T phải liên đới bồi thường cho ông Lê Xuân T số tiền 783.730^d (Bảy trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

Các bị cáo Võ Minh C và Hoàng Văn T phải liên đới bồi thường cho bị hại ông Hồ Sỹ C số tiền 724.000^d (Bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Võ Minh C phải liên đới bồi thường cho bị hại bà Hồ Thị Thu T số tiền 1.900.000^d (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

Các bị cáo Võ Minh C và Phạm Đăng T phải liên đới bồi thường cho bị hại bà

Nguyễn Thị K số tiền 1.850.000^d (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Trương Văn T phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Vĩnh Q số tiền 550.000^d (Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Các bị cáo Trương Văn T và Phạm Đăng T phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H số tiền 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo Trương Văn T và Ngô Sỹ Q phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H số tiền 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Võ Minh C phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T số tiền 700.000^d (Bảy trăm nghìn đồng).

Ghi nhận việc các bị cáo Nguyễn Văn G và Võ Minh C tự nguyện bồi thường cho bị hại ông Y K Niê số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng).

Các bị cáo đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, không tranh luận gì thêm.

Tại phần lời nói sau cùng các bị cáo Võ Minh C, Nguyễn Văn G, Trương Văn T, Phạm Đăng T và Hoàng Văn T tỏ thái độ ăn năn và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tổ tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại; phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Với động cơ tư lợi cá nhân, để có tiền sử dụng ma túy và tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 08/7/2021 đến ngày 16/9/2021, các bị cáo đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K và thị xã B, cụ thể: bị cáo Võ Minh C thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản (trong đó, có 01 vụ giá trị tài sản trên 2 triệu đồng, còn lại 07 vụ giá trị tài sản đều dưới 2 triệu đồng) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là **11.475.000^d** (Mười một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Văn G thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản (trong đó, có 02 vụ giá trị tài sản trên 2 triệu đồng, còn lại 04 vụ giá trị tài sản đều dưới 2 triệu đồng), với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là **13.917.270^d**

(Mười ba triệu chín trăm mười bảy nghìn hai trăm bảy mươi đồng); bị cáo Trương Văn T thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản (trong đó, có 01 vụ giá trị tài sản trên 2 triệu đồng, còn lại 04 vụ giá trị tài sản đều dưới 2 triệu đồng), với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là **6.800.000^d** (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng); bị cáo Phạm Đăng T thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản (trong đó, có 01 vụ giá trị tài sản trên 2 triệu đồng, còn lại 02 vụ giá trị tài sản đều dưới 2 triệu đồng), với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là **8.050.000^d** (Tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và bị cáo Hoàng Văn T thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản (cả 04 vụ đều có giá trị tài sản dưới 2 triệu đồng), với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là **3.287.730^d** (Ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng là khách thể được pháp luật đặc biệt quan tâm bảo vệ. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- Đối với bị cáo Võ Minh C: Ngày 04/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xử phạt 01 (một) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST, đến ngày 18/8/2018 bị cáo C chấp hành xong hình phạt tù; ngày 11/07/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HSST, đến ngày 18/11/2020, bị cáo C chấp hành xong hình phạt tù. Tại bản án số 08/2019/HSST, xác định bị cáo C phạm tội trong trường hợp tái phạm và chưa được xóa án tích. Vì vậy, đối với các lần phạm tội này là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với bị cáo Võ Minh C, về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Trong vụ án này, tổng số lần trộm cắp là 16 vụ, tuy nhiên mỗi bị cáo tham gia số vụ có khác nhau, đây chỉ là những vụ án đồng phạm giản đơn, bởi trước và trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công nhiệm vụ cho từng đối tượng. Ở đây các vụ án, hầu hết đều do 02 đối tượng gặp nhau, rồi cùng thực hiện hành vi phạm tội. Địa bàn các bị cáo trộm cắp hầu hết là các xã trên địa bàn huyện K (có cả thị xã B), không phải là trong cùng phạm vi địa giới hành chính của một thôn, của một buôn hoặc của một xã, hơn nữa giá trị tài sản chiếm đoạt đa phần đều dưới 2 triệu đồng. Do đó, việc Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Nguyễn Văn G, Trương Văn T, Phạm Đăng T và Hoàng Văn T với tình tiết “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn G, Trương Văn T và Phạm Đăng T tham gia trộm cắp nhiều vụ nhưng có ít nhất 01 vụ có giá trị tài sản trên 2 triệu đồng nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Hoàng Văn T: Mặc dù, cả 04 lần tham gia trộm cắp đều dưới

02 triệu đồng. Tuy nhiên, ngày 25/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2019/HSST, đến ngày 02/02/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn T, về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết “*Đã bị kết án về tội này hoặc...chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

b, Đã bị kết án về tội này hoặc...chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

g, Tái phạm nguy hiểm.

[3] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Như đã xác định đây là vụ án đồng phạm giản đơn, nhưng vai trò và số lượng vụ trộm mà các bị cáo tham gia có sự khác nhau. Trong đó: bị cáo C là người tham gia số vụ nhiều nhất là 08 vụ, bị cáo G tham gia 06 vụ, bị cáo Trương Văn T tham gia 05 vụ, bị cáo Phạm Đăng T tham gia 03 vụ và bị cáo Hoàng Văn T tham gia 04 vụ. Tuy nhiên, chỉ có bị cáo G tham gia 02 vụ có giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2 triệu đồng nên thuộc trường hợp “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối các bị cáo C, Phạm Đăng T và Trương Văn T chỉ có 01 vụ có giá trị tài sản chiếm đoạt trên 02 triệu, còn lại đều dưới 2 triệu và bị cáo Hoàng Văn T tham gia 04 vụ thì đều có giá trị tài sản dưới 2 triệu đồng. Do đó, kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với 04 bị cáo này là “*phạm tội 02 lần trở lên*” là không phù hợp nên hội đồng xét xử không chấp nhận, các bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của các vụ trộm tham gia cộng lại.

Bốn bị cáo Võ Minh C, Nguyễn Văn G, Trương Văn T và Hoàng Văn T đều đã bị kết án, cụ thể: bị cáo C và Hoàng văn T bị kết án chưa được xóa án tích nên được xác định là tình tiết định khung tăng nặng và tình tiết định tội nên không xác định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo G và bị cáo Trương Văn T bị kết án nhưng đã được xóa án tích, ngoài ra bị cáo Trương Văn T còn bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng (chưa chấp hành). Vì vậy, xác định 04 bị cáo đều có nhân thân xấu, không coi những lần bị kết án là bài học để cải tạo và giáo dục bản thân thành người có ích cho xã hội mà tiếp tục phạm tội.

Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Phạm Đăng T chưa có tiền án, tiền sự. Cả 05 bị cáo phạm tội trong trường hợp gây thiệt hại không lớn; Trong 16 vụ trộm cắp tài sản nêu trên, có 11 vụ trộm cắp do các bị cáo Nguyễn Văn G, Phạm Đăng T, Võ Minh C, Trương Văn T và Hoàng Văn T đã tự khai ra trong quá trình điều tra. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét khi lượng hình để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Vì vậy, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo Võ Minh C và Nguyễn Văn G là phù hợp, cần chấp nhận. Riêng đối với các bị cáo Trương Văn T, Phạm Đăng T và Hoàng Văn T có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do mỗi bị cáo gây ra.

[5] **Các biện pháp tư pháp:**

5.1. *Về trách nhiệm dân sự*: Xét yêu cầu bồi thường của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với các bị cáo là có căn cứ. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự;

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Phạm Đăng T phải liên đới bồi thường cho bị hại ông Lê Văn C số tiền 5.500.000^d (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 2.750.000^d (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Võ Minh C phải liên đới bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Kim O số tiền 3.017.270^d (Ba triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm bảy mươi đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 1.508.635^d (Một triệu năm trăm lẻ tám nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng).

Bị cáo Hoàng Văn T và Ngô Sỹ Q phải liên đới bồi thường cho bị hại bà Phạm Thị H số tiền 280.000^d (Hai trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó: mỗi người bồi thường 140.000^d (Một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Các bị cáo Võ Minh C và Hoàng Văn T phải liên đới bồi thường cho ông Lê Xuân T số tiền 783.730^d (Bảy trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 391.865^d (Ba trăm chín mươi một nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng).

Các bị cáo Võ Minh C và Hoàng Văn T phải liên đới bồi thường cho bị hại ông Hồ Sỹ C số tiền 724.000^d (Bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 362.000^d (Ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Các bị cáo Võ Minh C và Phạm Đăng T phải liên đới bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị K số tiền 1.850.000^d (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 925.000^d (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Trương Văn T phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Vĩnh Q số tiền 550.000^d (Năm trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 275.000^d (Hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

mười lăm nghìn đồng).

Các bị cáo Trương Văn T và Phạm Đăng T phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H số tiền 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 250.000^d (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo Trương Văn T và Ngô Sỹ Q phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H số tiền 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng). Trong đó, mỗi người bồi thường số tiền 250.000^d (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Võ Minh C phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T số tiền 700.000^d (Bảy trăm nghìn đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 350.000^d (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Ghi nhận việc các bị cáo Nguyễn Văn G và Võ Minh C tự nguyện bồi thường cho bị hại ông Y K Niê số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, không ai có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

5.2. Xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu, cụ thể: trả cho ông Nguyễn Tiến D 02 bao gạo Đài thơm 50 kg; trả cho bà Trần Thị H số tiền 3.000.000^d; trả cho ông Lê Khánh T 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát số 47F1-397.02, 01(một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Lê Khánh T; trả cho bà H P Mlô 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Handle (không biển số); trả cho bà H M Mlô 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát số 47N8-5032 (gắn biển kiểm soát số 47M8-5650); trả cho ông Y P Mlô 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Darling, biển kiểm soát số 52N6-1354; trả cho ông Nguyễn Thành N 01 (một) máy Hàn điện tử hiệu PONEY, màu cam; trả cho ông Hoàng Văn Đ 01 (một) máy phát cỏ hiệu Tasto143R-11, màu đỏ; trả cho ông Nguyễn Đức N 01 (một) máy phát cỏ hiệu Komatsu Zenoah; trả cho ông Nguyễn Thành L 01 (một) bộ máy rửa xe, mô tơ công suất 1,1kw và trả cho bà Phạm Thị H 02 (hai) buồng quả Cau tươi 14Kg.

Xét việc xử lý vật chứng của Công an huyện Ea Kar là phù hợp với khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cần chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: các bị cáo Võ Minh C, Nguyễn Văn G, Trương Văn T, Phạm Đăng T và Hoàng Văn T, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

-Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[1] **Xử phạt:** Võ Minh C: 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

[2] **Xử phạt:** Nguyễn Văn G: 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/9/2021.

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[3] **Xử phạt:** Trương Văn T: 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/9/2021.

[4] **Xử phạt:** Phạm Đăng T: 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 19/11/2021.

-Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[5] **Xử phạt:** Hoàng Văn T: 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 23/11/2021.

[6] **Các biện pháp tư pháp:**

6.1. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự;

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Phạm Đăng T phải liên đới bồi thường cho bị hại ông Lê Văn C số tiền 5.500.000^d (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 2.750.000^d (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Võ Minh C phải liên đới bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Kim O số tiền 3.017.270^d (Ba triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm bảy mươi đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 1.508.635^d (Một triệu năm trăm lẻ tám nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng).

Bị cáo Hoàng Văn T và Ngô Sỹ Q phải liên đới bồi thường cho bị hại bà Phạm Thị H số tiền 280.000^d (Hai trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó: mỗi người bồi thường 140.000^d (Một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Các bị cáo Võ Minh C và Hoàng Văn T phải liên đới bồi thường cho ông Lê Xuân T số tiền 783.730^d (Bảy trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 391.865^d (Ba trăm chín mươi một nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng).

Các bị cáo Võ Minh C và Hoàng Văn T phải liên đới bồi thường cho bị hại ông Hồ Sỹ C số tiền 724.000^d (Bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 362.000^d (Ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Các bị cáo Võ Minh C và Phạm Đăng T phải liên đới bồi thường cho bị hại bà

Nguyễn Thị K số tiền 1.850.000^d (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 925.000^d (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Trương Văn T phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Vĩnh Q số tiền 550.000^d (Năm trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 275.000^d (Hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Các bị cáo Trương Văn T và Phạm Đăng T phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H số tiền 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 250.000^d (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo Trương Văn T và Ngô Sỹ Q phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H số tiền 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng). Trong đó, mỗi người bồi thường số tiền 250.000^d (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Võ Minh C phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T số tiền 700.000^d (Bảy trăm nghìn đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 350.000^d (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Ghi nhận việc các bị cáo Nguyễn Văn G và Võ Minh C tự nguyện bồi thường cho bị hại ông Y K Niê số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

6.2. Xử lý vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Chấp nhận việc cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu, cụ thể: trả cho ông Nguyễn Tiến D 02 bao gạo Đài thơm 50 kg; trả cho bà Trần Thị H số tiền 3.000.000^d; trả cho ông Lê Khánh T 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát số 47F1-397.02, 01(một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Lê Khánh T; trả cho bà H P Mlô 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Handle (không biển số); trả cho bà H M Mlô 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát số 47N8-5032 (gắn biển kiểm soát số 47M8-5650); trả cho ông Y P Mlô 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Darling, biển kiểm soát số 52N6-1354; trả cho ông Nguyễn Thành N 01 (một) máy Hàn điện tử hiệu PONEY, màu cam; trả cho ông Hoàng Văn Đ 01 (một) máy phát cỏ hiệu Tasto143R-11, màu đỏ; trả cho ông Nguyễn Đức N 01 (một) máy phát cỏ hiệu Komatsu Zenoah; trả cho ông Nguyễn Thành L 01 (một) bộ máy rửa xe, mô tơ công suất 1,1kw và trả cho bà Phạm Thị H 02 (hai) buồng quả Cau tươi 14Kg.

Căn cứ Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bên có quyền thoả thuận việc thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Võ Minh C, Nguyễn Văn G, Trương Văn T, Phạm Đăng T và Hoàng Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Võ Minh C, Trương Văn T, Phạm Đăng T và Hoàng Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn G phải chịu 316.680^d (ba trăm mười sáu nghìn sáu trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngô Sỹ Q phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND Tối cao.
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện K.
- Công an huyện Ea Kar.
- Cơ quan THAHS huyện Ea Kar.
- Các bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Phạm Xuân Chiến